

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31 / 7 / 2020
“V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hùng;

2. Bà Hà Mộng Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 177/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 36/TB-MLPT ngày 10/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1998;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 62/167 , phường N, Quận C, thành phố M.

Nơi tạm trú: tổ 12, khóm A, phường C, thành phố K, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn V, sinh năm 1993, địa chỉ: tổ 12, khóm A, phường C, thành phố K, tỉnh An Giang.

Bà L, ông V vắng mặt và có đơn yêu cầu xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Kim L trình bày: Vào năm 2015, bà L và ông V tự tìm hiểu, yêu thương nhau nên đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố K, tỉnh An Giang. Quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh mâu

thuần do ông V không lo làm ăn, thường xuyên rượu chè. Bà L nhiều lần khuyên nhưng không được nên vợ chồng phát sinh cãi vã. Từ đó, bà L và ông V đã không còn sống chung với nhau từ tháng 7/2019 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu ly hôn với ông V.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Bích T, sinh ngày 12/02/2016 hiện đang sống cùng ông V. Bà L đồng ý giao con chung cho ông V nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Tấn V trình bày: Thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân như bà L trình bày. Trong thời gian chung sống, ông V và bà L phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Cuộc sống chung không hạnh phúc nên ông V và bà L đã không còn sống chung với nhau từ tháng 7/2019 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình nên ông V đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông V và bà L có 01 (một) con chung tên Nguyễn Bích T, sinh ngày 12/02/2016 hiện đang sống cùng ông V. Nay ông V yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do bà L có yêu cầu vắng mặt.

* Tại phiên tòa,

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nghiêm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Các đương sự có yêu cầu xét xử vắng mặt thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, lời khai của đương sự, thể hiện: năm 2016, bà L và ông V có đăng ký kết hôn tại UBND phường C nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

Nguyên đơn cho rằng trong thời gian chung sống, ông V không lo cho vợ con mà nhậu nhẹt, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, tháng 7/2019 ông V đánh, đuổi bà L ra khỏi nhà vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn bà yêu cầu ly hôn với ông V. Bị đơn ông V cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng, đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà L. Quá trình giải quyết vụ án, do bà L xin không tham gia hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và chung sống với nhau. Nhưng trong thời gian chung sống cả hai xảy ra mâu thuẫn, ly thân từ tháng 7/2019 đến nay. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà L yêu cầu ly hôn với ông V là có cơ sở chấp nhận, theo quy định tại 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Bích T, sinh ngày 12/2/2016, hiện đang sống cùng ông V, cả hai thống nhất giao con chung cho ông V nuôi dạy, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo cuộc sống ổn định cho con chung, việc bà L yêu cầu giao con chung cho ông V tiếp tục nuôi dạy là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền:* Bà Nguyễn Kim L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn V, ông V có nơi cư trú tại tổ 12, khóm A, phường C, thành phố K, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Nguyên đơn bà Nguyễn Kim L và ông Nguyễn Tấn V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2015, bà Nguyễn Kim L và ông Nguyễn Tấn V tự tìm hiểu, yêu thương nhau nên đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới. Đến năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố K, tỉnh An Giang; giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 60, quyển 01 ngày 03/6/2016 là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Theo bà L trình bày, nguyên nhân bà L yêu cầu ly hôn với ông V là do ông V không lo làm ăn, thường xuyên rượu chè. Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến ẩu đả nhau và bà L về nhà cha mẹ ruột tại thành phố M sinh sống. Nhận thấy, tình cảm đối với ông V không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông V.

Ông V cũng xác định quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2019 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình nên đồng ý ly hôn với bà L.

Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Xét thấy, cuộc sống của vợ chồng bà L và ông V phát sinh nhiều mâu thuẫn, không quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm đối với nhau lại không còn và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2019 cho đến nay. Đồng thời, tại biên bản ghi lời khai ngày 22/6/2020, ông V cũng đồng ý ly hôn với bà L. Hôn nhân của bà L và ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà L yêu cầu ly hôn với ông V là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà L và ông V 01 (một) con chung tên Nguyễn Bích T, sinh ngày 12/02/2016 hiện do ông V nuôi dạy.

Theo trình bày trong quá trình tố tụng, bà L đồng ý để ông V tiếp tục nuôi dạy con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, ông V cũng có ý kiến yêu cầu được nuôi dạy con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Xét, cháu T hiện đang sống cùng với ông V, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu T và việc vợ chồng cũng thống nhất với nhau về người trực tiếp nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, giao con chung tên Nguyễn Bích T, sinh ngày 12/02/2016 cho ông V tiếp tục nuôi dạy.

Ông Nguyễn Tấn V cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Nguyễn Kim L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Bà L đồng ý giao con chung cho ông V nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông V là người trực tiếp nuôi con chung cũng không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông V cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà L đã nộp.

Ông Nguyễn Tấn V không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim L.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Tấn V.

[2] Về con chung:

Ông Nguyễn Tấn V được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Bích T, sinh ngày 12/02/2016. Bà Nguyễn Kim L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Tấn V cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Nguyễn Kim L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Kim L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003808 ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K; bà L đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Tấn V không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyển 01 cấp ngày 03 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân phường C, thành phố K, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[5] Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Kim L, ông Nguyễn Tấn V là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. K (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.K (1);
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Ngọc